TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2019
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Bảo và Ông Trần Xuân Trà.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Thái Nữ Trâm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-DS ngày 07/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn C, sinh năm 1986; Địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở được tự do, tự nguyện tìm hiểu, chị T và anh Phạm Văn C đã tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 04/01/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân. Nguyên nhân do chồng uống rượu, cờ bạc, đánh đập, không lo cho vợ con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T làm đơn xin ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Minh T, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2009. Hiện đang học lớp 4 và sống cùng với chị tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Văn C tại bản tự khai ngày 13/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về việc kết hôn, thời gian chung sống, thời điểm sống ly thân đúng như chị T đã trình bày. Vợ chồng không có việc gì xẩy ra mâu thuẫn nhiều, đến năm 2010 thì chị T bỏ nhà đi làm công ty ở miền Nam. Từ đó đến nay vợ chồng không có tình cảm. Nay chị T làm đơn ly hôn thì anh và gia đình đều không biết gì, đến khi nhận được thông báo của Tòa thì anh mới biết, do đó anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung đúng như chị T trình bày. Anh C cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết đúng như chị T trình bày.

- Ý kiến của cháu Phạm Minh T: Bản tự khai tại Tòa án ngày 13/3/2019 cháu trình bày, nếu bố mẹ không sống cùng nhau thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, mong Tòa án chấp nhận nguyện vọng của cháu.

- Ý kiến của vị đại diện VKSND huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn đã trực tiếp nhận được thông báo về phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai không rõ lý do, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hôn nhân, chị T và anh C trên cơ sở tự do tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị T được ly hôn với anh C. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Minh T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn C có địa chỉ cư trú tại xã Hòa Hải, huyện Hương Khê. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê.

Bị đơn anh Phạm Văn C hai lần đều trực tiếp nhận được văn bản của Tòa án về mở phiên tòa, nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn C.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Hải, huyện Hương Khê theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04 ngày 14/01/2008, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày, lý do chị xin ly hôn là do mâu thuẫn vợ chồng, anh C thường uống rượu, cờ bạc, đánh đập nên chị phải đi vào miền Nam làm ăn sinh sống. Còn anh C trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì mà do chị T tự ý bỏ nhà chồng vào miền Nam làm công ty. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế chị T, anh C đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh C là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh C có một con chung là cháu Phạm Minh T, sinh ngày 24/8/2009. Chị T và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu người kia phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị T hiện làm công nhân thuộc Công ty Cổ phần Đồng Tiến, căn cứ vào hợp đồng lao động và phiếu chuyển lương thì chị T có mức thu nhập tháng 01/2019 là 11.705.513 đồng. Anh C là lao động tự do tại địa phương, theo trình bày thì có mức thu nhập khoảng 6.000.000đ/tháng. Xét về điều kiện kinh tế thì cả chị T và anh C đều có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, xét thấy về điều kiện công việc, thu nhập thì chị T có công việc ổn định và thu nhập cao hơn. Đồng thời, hiện nay cháu T đang trực tiếp ở cùng với chị T và đang được học tại Lớp 4.1 Trường Tiểu học T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Theo báo cáo xác nhận của Ban Giám hiệu nhà trường và Công an phường T thì quá trình sinh sống, học tập của cháu T và sống cùng với chị T phát triển tốt, cuộc sống sinh hoạt của mẹ con ổn định, chấp hành tốt các nội quy của nhà trường và địa phương. Đặc biệt, cháu Phạm Minh T sinh ngày 24/8/2009 hiện nay đã gần đủ 10 tuổi và cháu có nguyện vọng được sống cùng với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và trên cơ sở xem xét nguyện vọng của cháu T, cần giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị T không yêu cầu anh C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh C được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Minh T, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở; đồng thời anh C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 001371 ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự huyện Hương Khê.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- Lưu HS, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng